

༄༅། ལྷན་པའི་མཛད་པ་བཅུ་གཉིས་ལ་བསྟོད་པ།
 TÁN THÁN MƯỜI HAI CÔNG HẠNH PHẬT (*)



Thánh họa trình bày mười hai công hạnh Phật

ཐབས་མཁས་སྤྲུལ་སྤྲུལ་རྗེས་འགྲུའི་རིགས་སུ་འཁྲུངས།།

Phương xảo từ bi sinh vào tộc Sha-kya ⁽¹⁾,

གཞན་གྱིས་མི་སྤྲུལ་བདུད་གྱི་དཔུང་འཛོམས་པ།།

Hoại diệt ma quân, tha nhân không thể thắng,

གསེར་གྱི་ལྷན་པོ་ལྷ་བྱུང་བཟེད་པའི་སྐྱུ།།

Thân tướng uy nghi như núi vàng Tu Di,

འགྲུའི་རྒྱལ་པོ་བྱོད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

Quân Vương Sha-kya nơi Ngài cung kính lễ.

གང་གིས་དང་པོར་བྱང་ཆུབ་སྤྲུལ་སྐུ་བསྐྱེད་ནས།།

Là bậc đầu tiên phát khởi tâm giác ngộ,

བསོད་ནམས་ཡེ་ཤེས་ཚོགས་གཉིས་རྫོགས་མཛད་ཅིང་།།

Thực hành viên mãn phước trí hai tư lương,

དུས་འདིར་མཛད་པ་རྒྱ་ཆེན་འགོ་བ་ཡི།།

Công hạnh quảng đại thời này ⁽²⁾ và trở thành

མགོན་གྱུར་བྱོད་ལ་བདག་གིས་བསྐྱོད་པར་བགྱི།།

Hỗ chủ chúng sinh nơi Ngài con tán thán.

ལྷ་རྣམས་དོན་མཛད་འདུལ་བའི་དུས་མཁའ་ན་ནས།།

Làm lợi Chư Thiên biết đúng thời điều phục,

ལྷ་ལས་བབས་ནས་གླང་ཆེན་ལྟར་གཤེགས་ཤིང་།།

Từ trời giáng thế như voi lớn quang lâm,

རིགས་ལ་གཟིགས་ནས་ལྷ་མོ་སྐྱེ་འཇུག་མའི།།

Quán thấy chủng tộc, nơi Thiên Nữ Huyền Áo ⁽³⁾,

ལྷ་མས་སྐྱེ་ལྷགས་པར་མཛད་ལ་བྱུག་འཚལ་ལོ།།

Tiến nhập mẫu thai công hạnh cung kính lễ.

ཟླ་བ་བཅུ་རྫོགས་ལྷ་ཀྱའི་སྐུ་སྤོ་ནི།།

Tròn đủ mười tháng nam tử dòng Sha-kya,

བཀྲ་ཤེས་ལྷ་སྐྱེའི་ཚལ་དུ་བལྟམས་བའི་ཚེ།།

Lúc đản sinh vườn cát tường Lum-bi-ni ⁽⁴⁾,

ཚངས་དང་བརྒྱ་གྲིན་གྲིས་བཏུད་མཚན་མཚོག་ནི།།

Phạm Thiên, Đế Thích cúi lễ nơi thắng tướng ⁽⁵⁾,

བྱང་ཆུབ་རིགས་སྐྱེ་རེས་མཛད་སྐུག་འཚལ་ལོ།།

Định tộc giác ngộ công hạnh cung kính lễ.

གཞོན་ལྷོ་བས་ལྷན་མི་ཡི་སེང་གེ་དེས།།

Thiếu niên dũng mãnh sư tử trong nhân loại,

ཨ་ལྷ་མ་ག་རྣམ་ནི་སྐྱུ་ཅལ་བསྟན།།

Hiển tài nghệ nơi A-gha Ma-ga-dha ⁽⁶⁾,

སྐྱེ་བོ་དྲེགས་པ་ཅན་རྣམས་ཚར་བཅད་ནས།།

Đã khuất phục hết chúng sĩ phu kiêu mạn,

འབྲན་ཆེ་མེད་བར་མཛད་ལ་སྤྱག་འཚལ་ལོ།།

Vô hữu địch thủ công hạnh cung kính lễ.

འཇིག་རྟེན་ཚོས་དང་མཐུན་བར་བྱ་བ་དང་།།

Hành xử phù hợp các pháp của thế gian,

ཁ་ན་མ་ཐོ་སྤང་སྤྱིར་བཏུན་མོ་ཡི།།

Vì đoạn tội khổ của nghiệp mà nạp lầy ⁽⁷⁾

འཁོར་དང་ལྷན་མཛད་ཐབས་ལ་མཁས་པ་ཡིས།།

Hậu phi quyền thuộc, hành phương tiện thiện xảo

རྒྱལ་སྲིད་སྐྱོར་བར་མཛད་ལ་སྤྱག་འཚལ་ལོ།།

Thái Tử hộ quốc công hạnh cung kính lễ.

འཁོར་བའི་བྱ་བ་སྤྱིར་ཐོ་མེད་གཞིགས་ནས།།

Thấy rõ chư hành luân hồi không yếu nghĩa,

བྱིམ་ནས་བྱུང་སྤྱི་མཁའ་ལ་གཤེགས་ནས་གྲང་།།

Trốn khỏi gia trạch du hành qua hư không,

མཚོད་རྟེན་རྣམ་དག་བྱང་བུ་ཉིད་ལས་ཉིད།།

Ở trước Thanh Tịnh Bảo Tháp tự mình làm,

རབ་བྱ་བྱང་བར་མཛད་ལ་སྤྱག་འཚལ་ལོ།།

Xuất gia hoàn toàn công hạnh cung kính lễ.

བཙོན་པས་བྱང་ཆུབ་སྐྱབ་པར་དགོངས་ནས་ནི།།

Nghi tưởng thành tựu giác ngộ bằng tinh tấn,

ནི་རྩུ་ནའི་འགམ་དུ་ལོ་བྱུག་ཏུ།།

Sáu năm bên bờ sông Ne-ra-nja-na ⁽⁸⁾,

དཀའ་བ་སྐྱད་མཛད་བཙོན་འགྲུས་མཐར་ཕྱིན་པས།།

Thực hành khổ hạnh tinh tấn đến tận cùng,

བསམས་གཏན་མཚོག་བརྟེས་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

Đắc thắng thiên định công hạnh cung kính lễ.

ཐོག་མ་མེད་ནས་འབད་བ་དོན་ཡོད་ཕྱིར།།

Để trọn ý nghĩa nỗ lực từ vô thủy,

མ་ག་རྟ་ཡི་བྱང་ཆུབ་འིང་བྱང་དུ།།

Dưới cội Bồ Đề ở nước Ma-ga-dha,

སྐྱེལ་གྱང་མི་གཡོ་མཛོན་པར་སངས་རྒྱས་ནས།།

Kiệt già bất động hiện chứng quả Phật Đà,

བྱང་ཆུབ་ཐོགས་པར་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

Viên thành Chánh Giác công hạnh cung kính lễ.

ཐུགས་རྗེས་འགོ་ལ་སྐྱར་དུ་གཟེགས་ནས་ནི།།

Lấy đại bi tâm nhanh chóng nhìn chúng sinh,

ཨ་ར་རྩེ་མི་ལ་སོགས་གནས་མཚོག་ཏུ།།

Thù thắng thánh địa như Va-ra-na-si ⁽⁹⁾,

ཚོས་ཀྱི་འཁོར་ལོ་བསྐོར་ནས་གདུལ་བྱ་རྣམས།།

Chuyên Diệu Pháp Luân để đưa chúng giáo đồ,

ཐོག་བ་གསུམ་ལ་འགོད་མཛད་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

An trí Tam Thừa công hạnh cung kính lễ.

གཞན་གྱིས་རྒྱལ་བ་རན་པ་ཚར་བཅད་ཕྱིར།།

Vì để đánh bại đối thủ ác tranh biện,

ཕུ་སྟེགས་སྟོན་པ་དུག་དང་ལྷས་བྱིན་སོགས།།

Như bọn lục sư ngoại đạo, chúng Thiên Thụ ⁽¹⁰⁾,

འཁོར་མོ་འཇིག་གི་ཡུལ་དུ་བདུད་རྣམས་བདུལ།།

Hàng phục chúng ma nơi vùng Diệt Lụy Nữ ⁽¹¹⁾,

སྤོན་པ་གཡུལ་ལས་རྒྱལ་ལ་སྤྱག་འཚལ་ལོ།།

Năng Nhân thắng các chiến đấu cung kính lễ.

སྲིད་པ་གསུམ་ན་དཔེ་མེད་ཡོན་ཏན་གྱིས།།

Bởi vô tỷ dụ phẩm hạnh trong Tam Giới,

མཉན་དུ་ཡོད་པར་ཚེ་འཕྲུལ་ཆེན་པོ་བསྟན།།

Hữu Sở Văn quốc ⁽¹²⁾ thị hiện đại thần thông,

སྣ་མི་འགོ་བ་ཀུན་གྱིས་རབ་མཚོད་པ།།

Hết thầy thiên, nhân, chúng sinh đồng cúng dường,

བསྟན་པ་རྒྱས་པར་མཚོད་ལ་སྤྱག་འཚལ་ལོ།།

Hưng thịnh Giáo Pháp công hạnh cung kính lễ.

ལེ་ལོ་ཅན་རྣམས་སྐྱར་དུ་བསྐྱལ་བུའི་ཕྱིར།།

Vì để khích lệ nhanh chóng chúng giải đãi,

རྩ་མཚོག་གོང་གི་ས་གཞི་གཙང་མ་རུ།།

Nơi Thượng Mao Thành ⁽¹³⁾ trên đại địa thanh tịnh,

འཆི་མེད་རྩི་རྩི་ལྷ་བུའི་སྐུ་གཤེགས་ནས།།

Thân như kim cang bất tử đã viên tịch,

སྐུ་རན་འདའ་བར་མཚོད་ལ་སྤྱག་འཚལ་ལོ།།

Khé nhập Niết Bàn công hạnh cung kính lễ.

ཡང་དག་ཉིད་ལྟ་བུ་འཇིག་པ་མེད་སྲིད་དང་།།

Vì Chân Thật Tánh không hề bị hoại diệt,

མ་འོངས་སེམས་ཅན་བསོད་ནམས་འཇོབ་བྱིའི་སྲིད་།།

Vì muốn chúng sinh tương lai đạt phước đức,

དེ་ཉིད་ལྟ་བུ་ནི་རིང་བསྐལ་མང་སྦྱལ་ནས།།

Chính thể hóa hiện rất nhiều xá lợi tử,

སྦྱ་གཏུང་ཆ་བརྒྱད་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

Tám phần linh cốt công hạnh cung kính lễ.

ཞེས་བ་འདིའི་ཐོག་མའི་སློ་ཀ་གཅེག་སུ་རྗེ་འབྲི་ཁུང་བས་མཛད་བར་གྲགས་ཤིང་དེ་སྲིད་སློབ་དཔོན་རྒྱ་སྦྱེབ་ཀྱིས་མཛད་བའོ།།

Chỉ một đoạn kệ đầu tiên của bài trên đây là do Tôn giả Drikungpa trước tác, từ đó trở về sau do Giáo Thọ Sư Long Thọ Bồ Tát sáng tác.

Ngữ Lục Giới Hiền dịch từ Tạng văn sang Việt văn. Nguyện đem công đức này hồi hướng đến quả vị giác ngộ của chúng sinh, nguyện mọi sự cát tường.

Chú thích:

(*) Một thuật ngữ khác là “Phật hành thập nhị hoàng hóa”, ngụ chỉ hóa thân Phật thị hiện cả một đời trải qua mười hai sự kiện lớn: 01, Đầu Suất giáng trần. 02, Nhập trụ mẫu thai. 03, Viên mãn đản sinh. 04, Thiếu niên tài nghệ. 05, Thụ dụng phi quyển. 06, Ly gia xuất gia. 07, Nan hành khổ hạnh. 08, Đến Kim Cang Tòa (Bồ Đề Đạo Tràng). 09, Điều phục ma quân. 10, Viên thành Chánh Giác. 11, Chuyển Diệu Pháp Luân. 12, Nhập Đại Niết Bàn.

(1) Thích Ca – họ của Đức Phật Shakya Muni (Phạn ngữ), Tạng dịch Shakya Thubpa tức Shakya Năng Nhân, phiên âm từ Hán là Thích Ca Mâu Ni.

(2) Ngụ chỉ Đức Phật lựa chọn thời Hiền Kiếp này, khi con người có tuổi thọ một trăm, là thời cơ thích đáng mà thực hành sự nghiệp quảng đại và trở thành hỗ chủ của chúng sinh.

(3) Mayadevi - Tên của hoàng hậu Ma Da.

(4) Vườn Lâm Tỳ Ni.

(5) Chỉ Đức Phật có ba mươi hai tướng thù thắng.

(6) Ở Ngang Tạt thuộc nước Ma Kiệt Đà.

(7) Ngụ chỉ đoạn trừ những lời phỉ báng.

(8) Sông Ni Liên Thiên.

(9) Vườn Lộc Uyển – Ba La Nại.

(10) Devadatta – Đề Bà Đạt Đa.

(11) Phiên âm Tạng ngữ: Khorma Jig.

(12) Sravasti – Nước Xá Vệ.

(13) Kushinagara – Thành Câu Thi Na.

